TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 141/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 30-9-2019

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Lan Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Văn Vương

2. Ông Lý Quốc Cường

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Bảo Trâm là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau tham gia phiên toà: Ông Võ Hồng Quân - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 290/2019/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2019 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 153/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phan Mỹ T, sinh năm 1987 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã TT, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

2. Bị đơn: Ông Lý Minh Th, sinh năm 1983 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã TL, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Trình bày của bà Phan Mỹ T tại đơn khởi kiện ngày 15/7/2019:*

Hôn nhân: Bà T và ông Th tự nguyện chung sống với nhau có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã TT, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau vào ngày 20/10/2006. Vợ chồng chung sống không hạnh phúc, phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống nên bà T và ông Th đã ly thân từ năm 2006 cho đến nay. Bà T yêu cầu được ly hôn với ông Th.

Con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu xem xét.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự: Thực hiện đúng các quy định của tố tụng dân sự; về nội dung vụ án xét thấy mâu thuẫn giữa bà T và ông Th đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu của bà T là có cơ sở chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng và quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Phan Mỹ T khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn là ông Lý Minh Th. Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn; Ông Th có nơi cư trú tại ấp B, xã TL, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của bà T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án có thông báo thụ lý và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và có tống đạt hợp lệ cho ông Th nhưng ông Th không có văn bản ý kiến đối với yêu cầu của bà T và vắng mặt không có lý do. Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử và có triệu tập xét xử hợp lệ nhưng ông Th vắng mặt không có lí do, bà T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà T và ông Th theo quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

[3] Về hôn nhân: Bà T và ông Th tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TT, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau vào ngày 20/10/2006. Tại đơn khởi kiện cũng như trong quá trình giải quyết vụ án, bà T cho rằng bà và ông Th chung sống không còn hạnh phúc do bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, bà vợ chồng đã ly thân từ năm 2006 cho đến nay, mâu thuẫn vợ

chồng đã trầm trọng, bà T và ông Th không thể tiếp tục chung sống với nhau nên bà T yêu cầu ly hôn với ông Th. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông Th đã tuân thủ về điều kiện đăng ký kết hôn tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại Điều 8, 9 của Luật hôn nhân và gia đình nên được pháp luật công nhận là vợ chồng. Thời gian chung sống do bất đồng quan điểm, bà T và ông Th đã ly thân từ năm 2006 cho đến nay, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân giữa bà bà T và ông Th không đạt được. Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án có tiến hành hòa giải để bà T và ông Th có điều kiện gặp nhau thỏa thuận đoàn tụ gia đình nhưng không có kết quả do ông Th vắng mặt tại các lần hòa giải, xét xử không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận cho bà T và ông Th được ly hôn là phù hợp.

[4] Về con chung: Bà T và ông Th không có con chung nên không đặt ra yêu cầu xem xét.

[5] Về tài sản chung: Bà T xác định không có, không đặt ra yêu cầu xem xét, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ chung: Bà T và ông Th không có nợ người ngoài và người ngoài cũng không nợ vợ chồng nên không yêu cầu giải quyết. Tại xác nhận của Ủy ban nhân dân xã TL ngày 15/7/2019 và biên bản ghi lời khai người làm chứng ngày 26/7/2019 xác nhận vợ chồng bà T và ông Th không có ai yêu cầu giải quyết về nợ tại địa phương. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét về nợ chung.

[7] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà T phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56 của luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xét xử vắng mặt bà Phan Mỹ T và ông Lý Minh Th.

2. Chấp nhận yêu cầu của bà Phan Mỹ T về việc ly hôn với ông Lý Minh Th.

2.1. Về hôn nhân: Bà Phan Mỹ T và ông Lý Minh Th được ly hôn.

2.2. Về con chung: Không có.

2.3. Tài sản chung, nợ chung: Không có.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà T phải nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)*. Vào ngày 15 tháng 7 năm 2019 bà T có dự nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai số 0010543 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau nay được chuyển thu án phí.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Báo cho đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
-VKSND huyện Thới Bình;
-Chi cục THADS huyện Thới Bình;
-TAND tỉnh Cà Mau;
- UBND xã Tân Thành;
-Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Thị Lan Anh